

Số:75/2018/QĐST-HNGĐ

Ứng Hòa, ngày 16 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 191/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa:

***Nguyên đơn:** Chị **Ngô Thị H** - sinh năm 1985.

***Bị đơn:** Anh **Nguyễn Trọng T** - sinh năm 1986

Đều có nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn NX, xã VT, huyện ÚH, thành phố Hà Nội.

***Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Trần K - sinh năm 1975;

+ Chị Lê Thị Thanh H1 - sinh năm 1978;

Đều có địa chỉ: phố NTH, thị trấn VĐ, huyện ÚH, Hà Nội

+ Bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1959;

+ Ông Nguyễn Văn H2 - sinh năm 1948

+ Bà Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1948

Đều có địa chỉ: thôn NX, xã VT, huyện ÚH, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Trọng T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Trọng T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Trọng T đều xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thùy D - sinh ngày 13/5/2013 và Nguyễn Tiến H3 - sinh ngày 11/4/2015. Sau ly hôn giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thùy D; giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tiến H3. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị H và anh T cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị H và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

** Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

2.3. Về tài sản, công sức và công nợ chung:

2.3.1. Tài sản chung:

+ Anh Nguyễn Trọng T và chị Ngô Thị H đều xác nhận hai vợ chồng có 01 ngôi nhà 02 tầng 01 tum được xây dựng trên diện tích đất 51,6 m² tại thôn NX, xã VT, huyện ÚH, thành phố Hà Nội (là một phần thửa đất số 521, tờ bản đồ 25, bản đồ đo đạc năm 2014; ngôi nhà được xây dựng về phía nam của thửa đất số 521).

Anh T và chị H đều tự thỏa thuận, thống nhất và xác định ngôi nhà trên do hai vợ chồng xây dựng trên diện tích đất của bố mẹ đẻ anh T, ngôi nhà có giá trị xây dựng và giá trị sử dụng hiện tại là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn).

Ngoài ra, anh T và chị H xác nhận vợ chồng còn có một số tài sản chung gồm: 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ; 01 chiếc xe máy Aieblade; 02 két nước; 02 điều hòa . . .; Anh T và chị H tự thỏa thuận, thống nhất có tổng giá trị là 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng chẵn).

Tổng giá trị tài sản chung là 551.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi một triệu đồng chẵn).

+ Sau ly hôn giao cho anh T được toàn quyền sử dụng, quản lý, sở hữu toàn bộ tài sản chung của hai vợ chồng {Gồm có: 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ; 01 chiếc xe máy Aieblade; 02 két nước; 02 điều hòa; 01 ngôi nhà 02 tầng 01 tum được xây dựng trên diện tích đất 51,6 m² tại thôn NX, xã VT, huyện ÚH, thành phố Hà Nội (là một phần thửa đất số 521, tờ bản đồ 25, bản đồ đo đạc năm 2014)}.

Tổng giá trị là 551.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi một triệu đồng chẵn).

+ Anh Nguyễn Trọng T có trách nhiệm thanh toán trả cho chị H số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Thời hạn thanh toán số tiền trên, chậm nhất đến hết ngày 30/6/2018.

2.3.2. *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Trọng T và chị Ngô Thị H đều xác nhận có nợ chưa trả của vợ chồng chị Lê Thị Thanh H1, anh Trần K số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) và nợ của bà Nguyễn Thị D số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng chẵn*).

Sau ly hôn anh Thủy có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng anh K, chị H1; chị H có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trở ngại hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị H nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp, chị H tự nguyện sung công quỹ nhà nước số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí còn lại theo Biên lai số 0008306 ngày 13/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ÚH.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ÚH;
- Các đương sự;
- UBND xã VT;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện